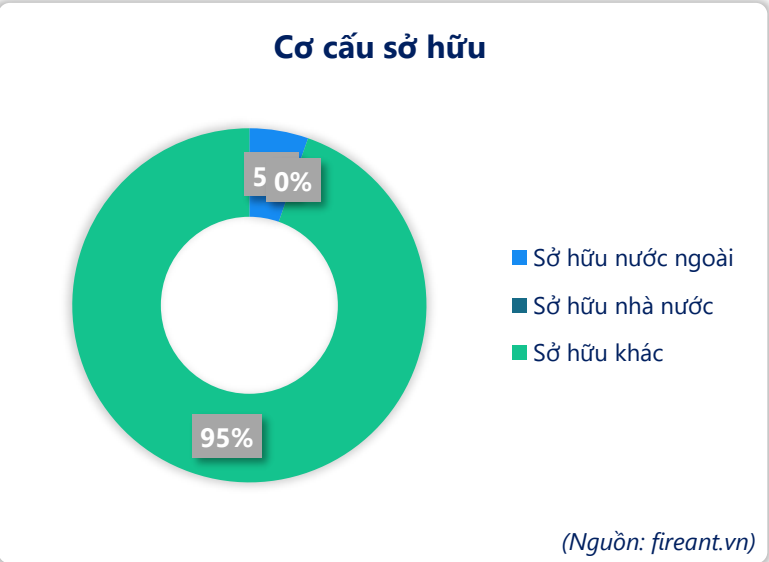
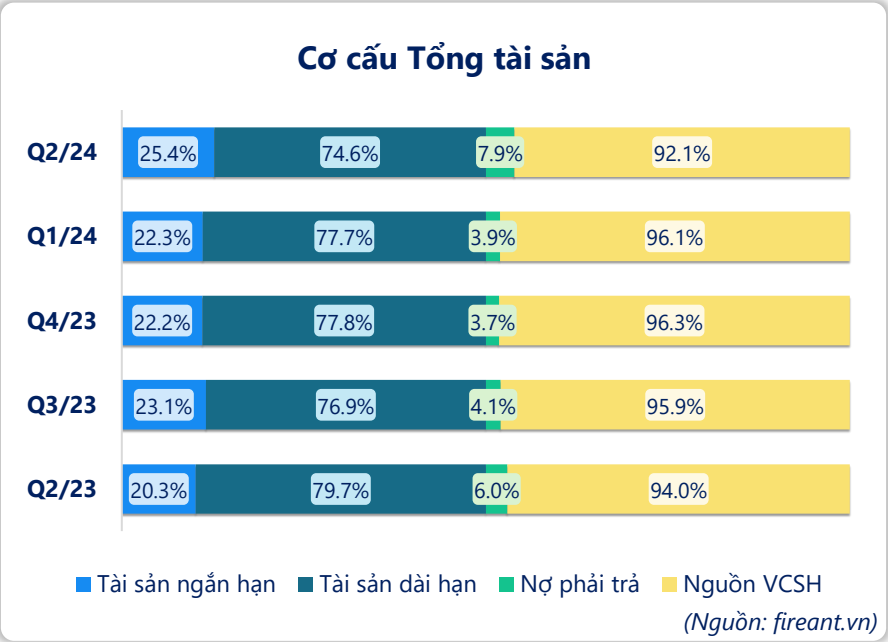
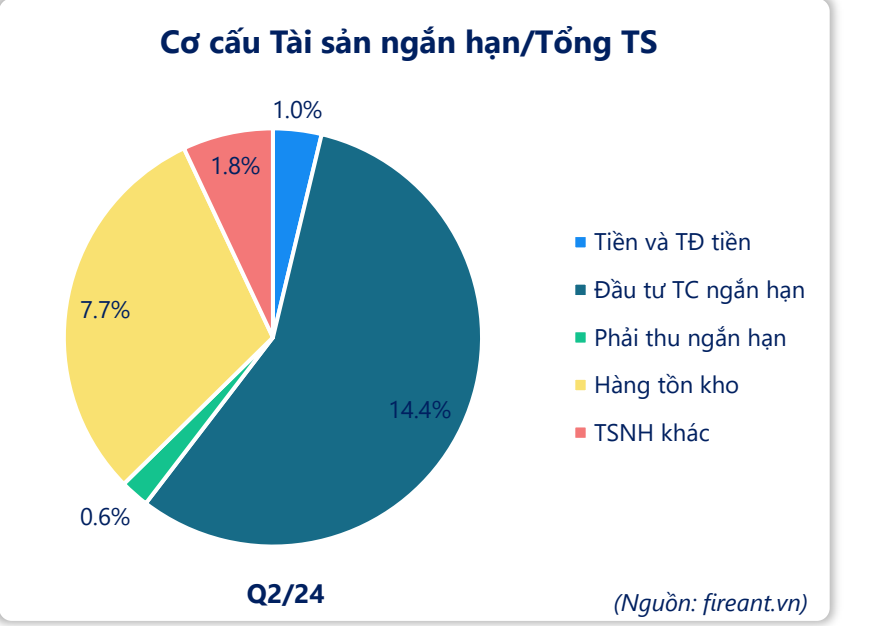
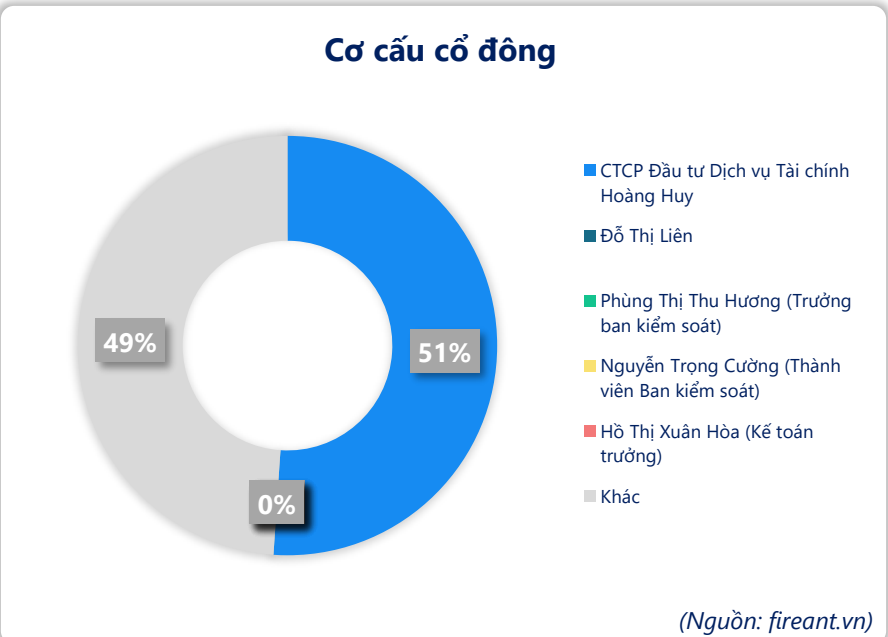
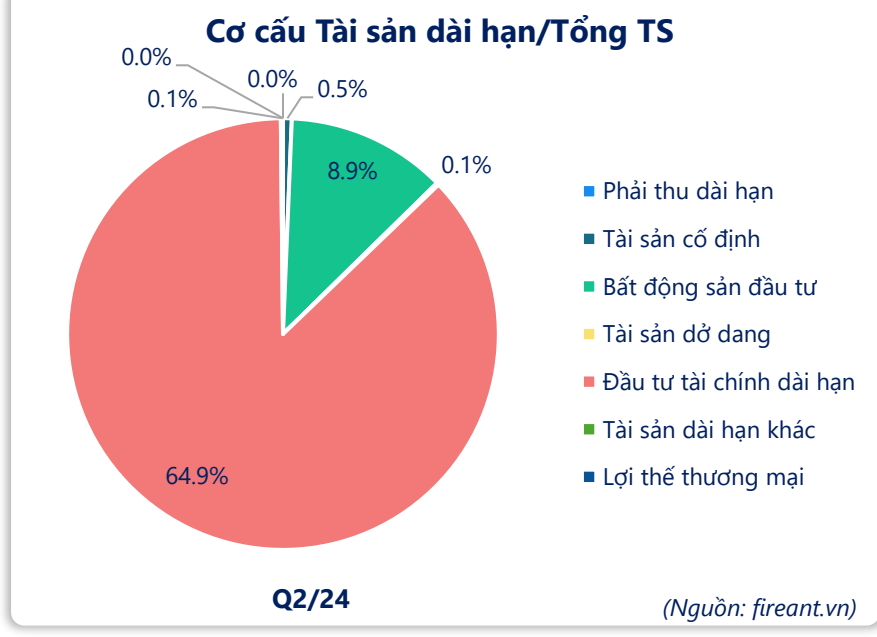
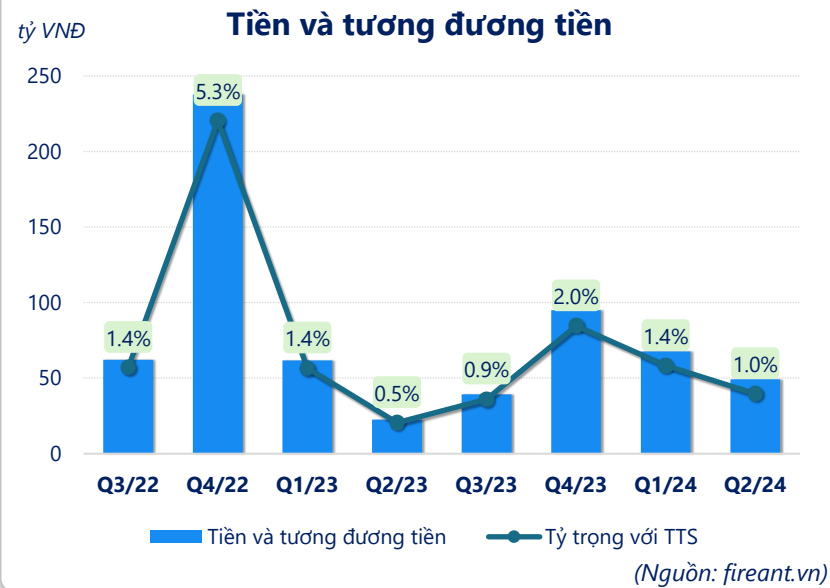
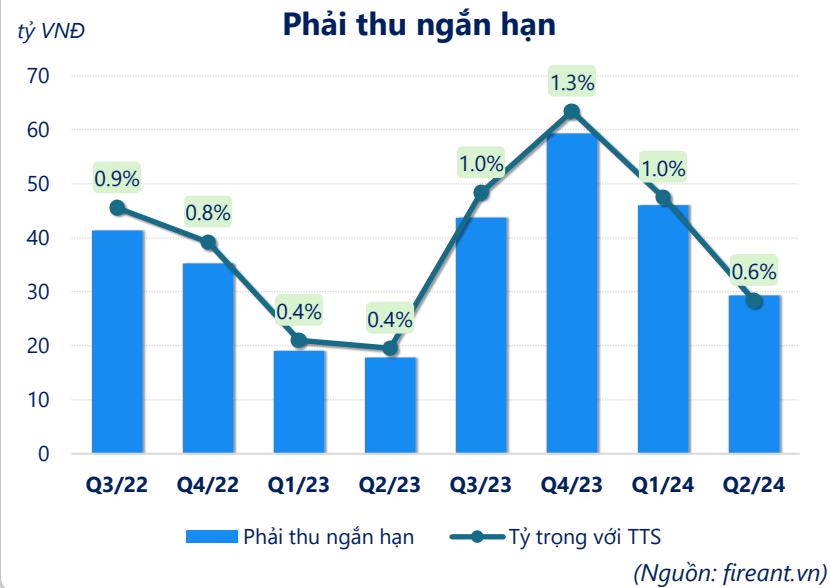
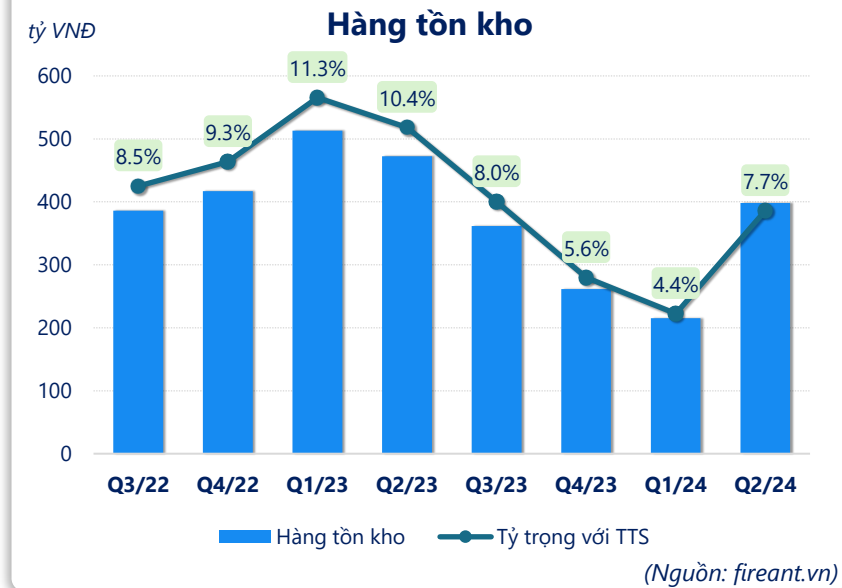
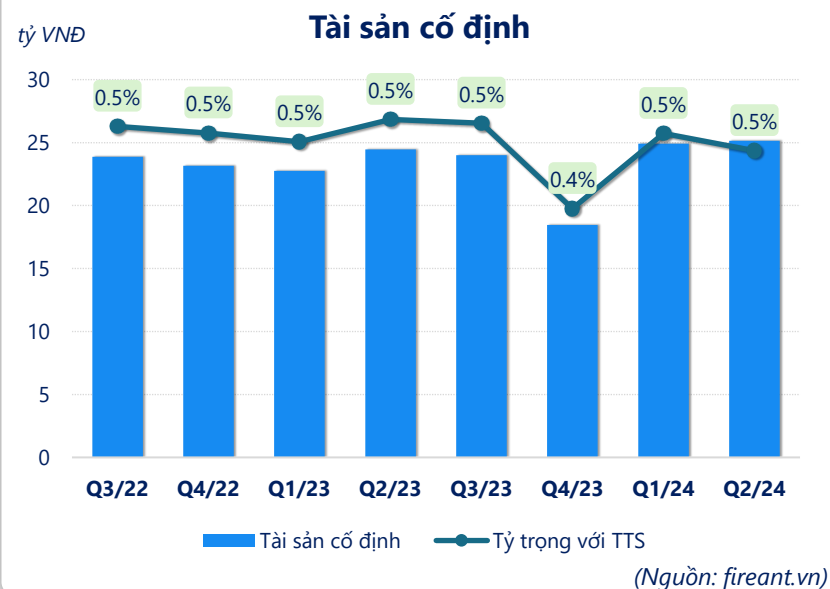
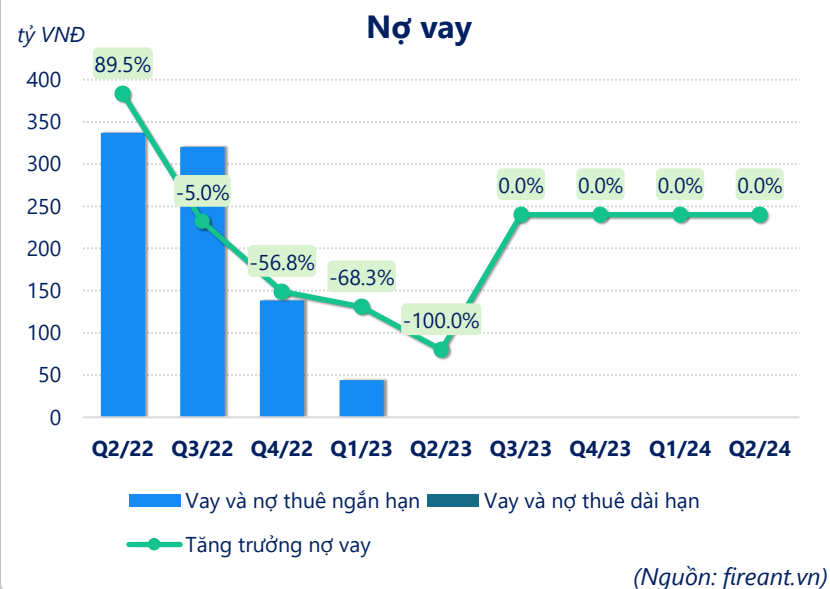
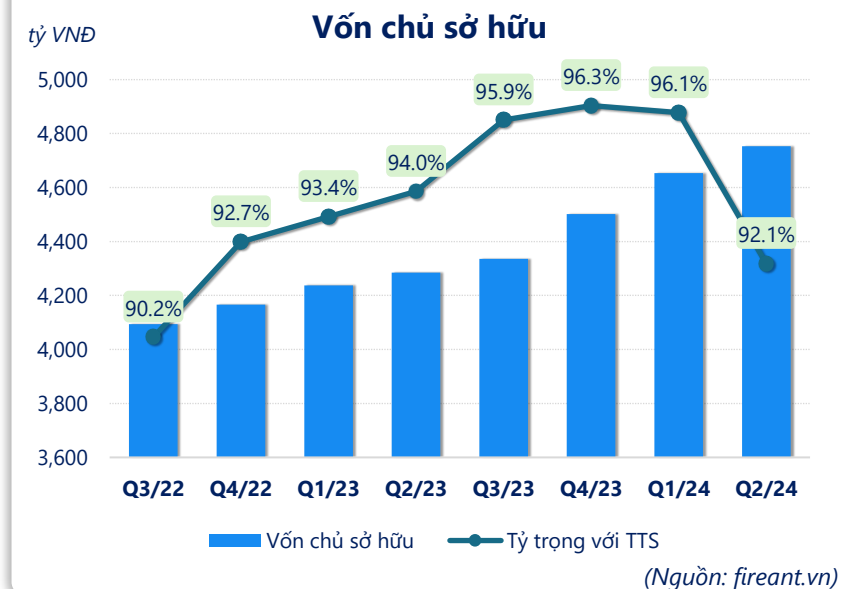
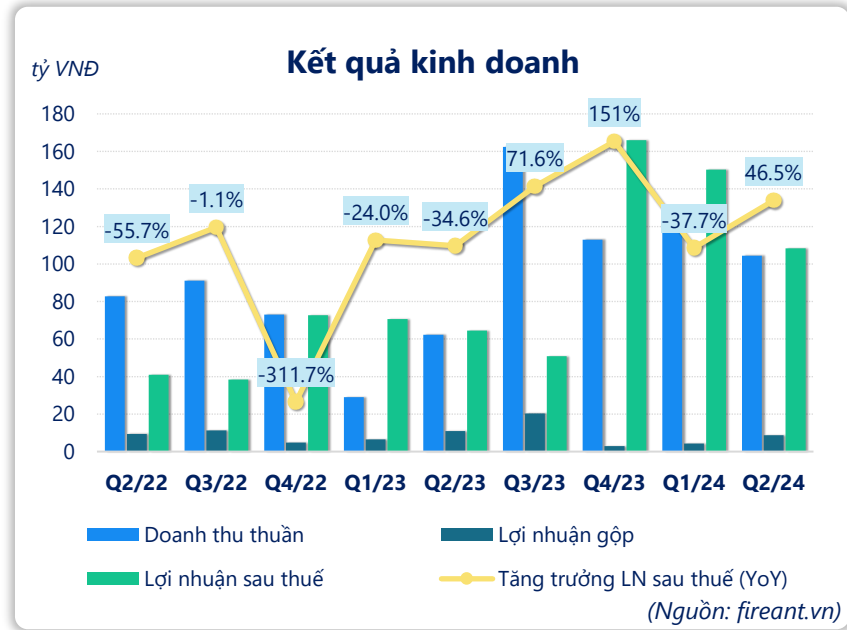
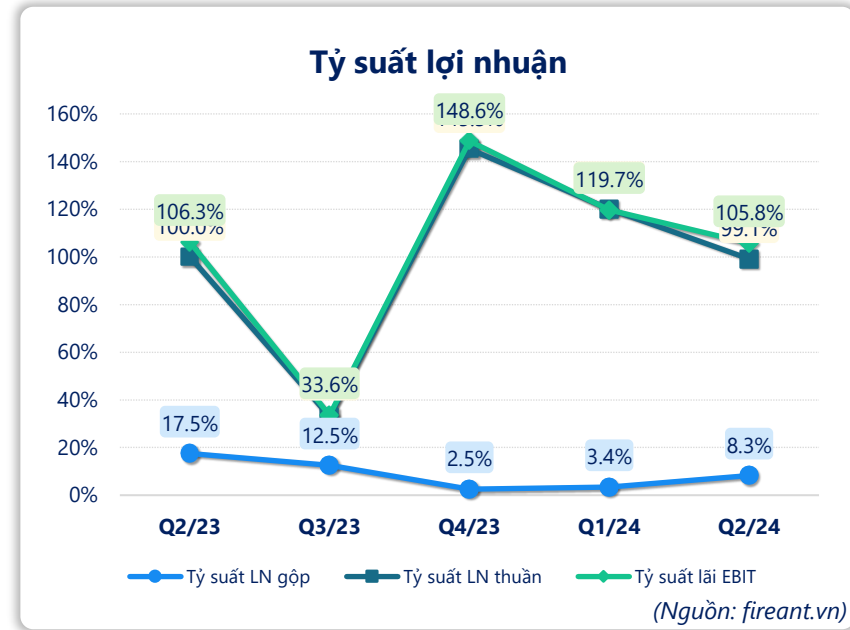
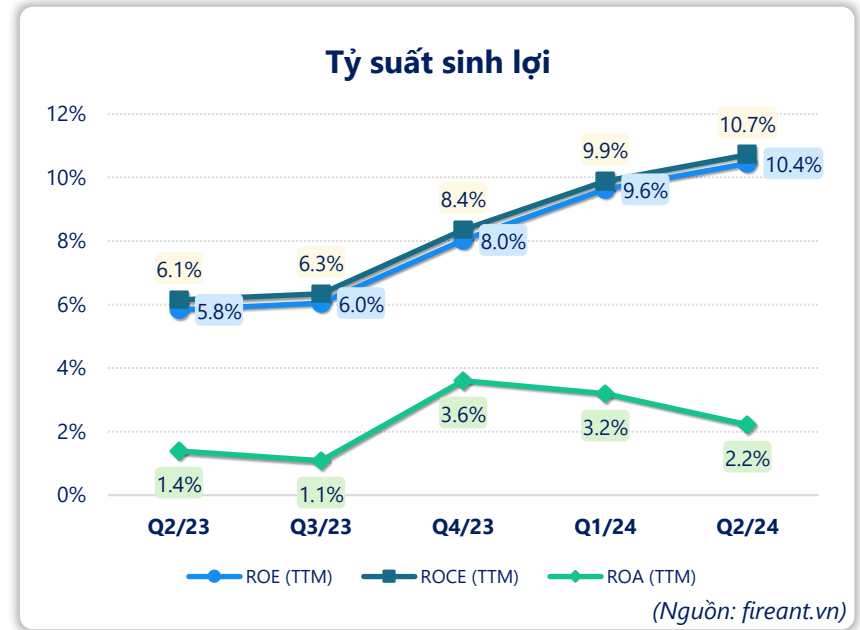
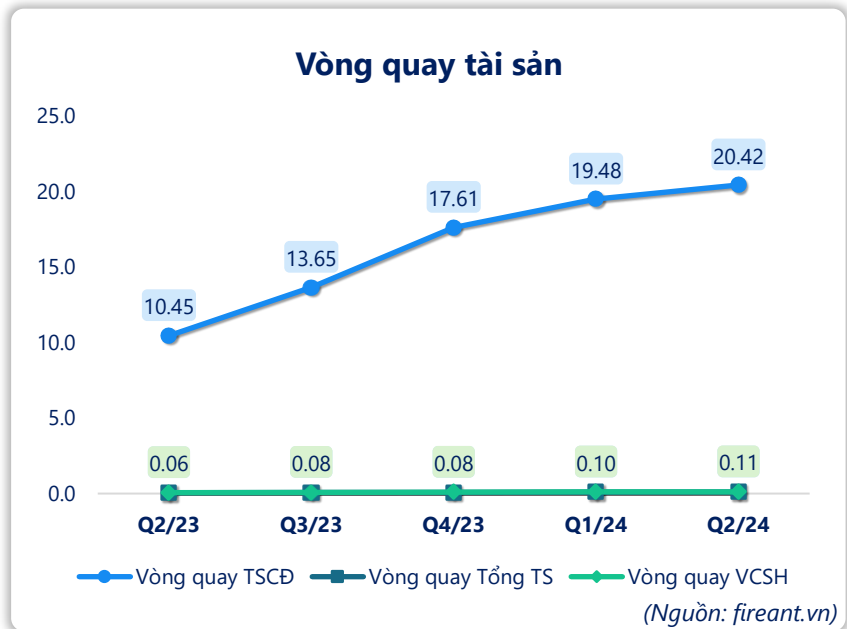
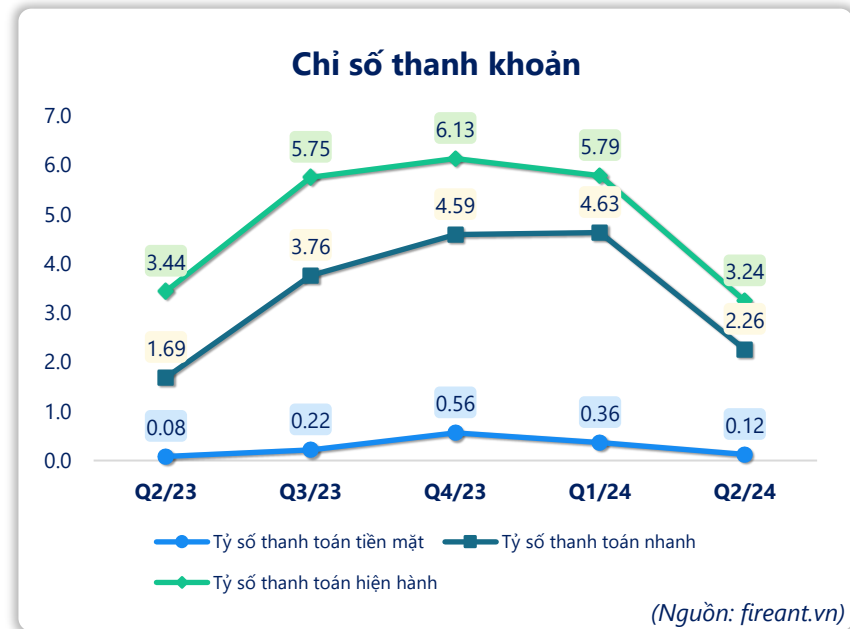
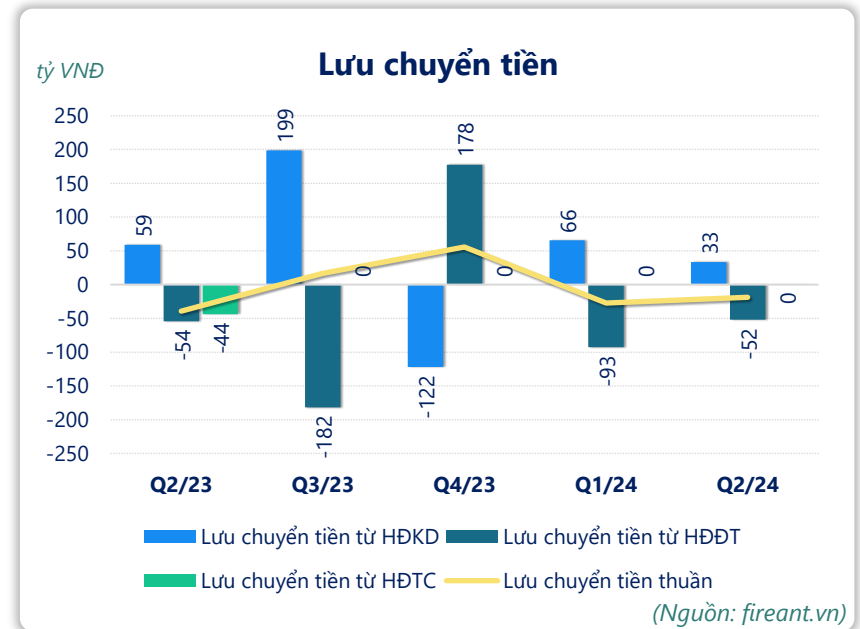


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		10,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,720
SL cổ phiếu LH		347,160,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,274,240
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,697
P/E		7.8
EPS		1,359

	YTD	1T	3T	6T
HHS	49.8%	2.9%	13.5%	47.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,159	4,674	10.4%
Tài sản ngắn hạn	1,312	1,036	26.5%
Tiền và tương đương tiền	49.2	94.9	-48.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	743	539	37.9%
Phải thu ngắn hạn	29.3	59.3	-50.6%
Hàng tồn kho	398	261	52.4%
Tài sản ngắn hạn khác	91.8	82.1	11.9%
Tài sản dài hạn	3,847	3,637	5.8%
Phải thu dài hạn	0.12	0	
Tài sản cố định	25.1	7.11	253%
Bất động sản đầu tư	462	485	-4.9%
Tài sản dở dang	6.44	10.0	-35.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,348	3,129	7.0%
Tài sản dài hạn khác	6.17	5.97	3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	406	172	136%
Nợ ngắn hạn	405	172	136%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	296	49.0	503%
Nợ dài hạn	1.32	0.67	97.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,753	4,501	5.6%
Vốn chủ sở hữu	4,753	4,501	5.6%
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	62.3	162	113	127	104
Giá vốn hàng bán	51.4	142	110	122	95.8
Lợi nhuận gộp	10.9	20.3	2.87	4.29	8.65
Doanh thu HĐTC	5.40	184	39.5	37.7	8.75
Chi phí TC	1.12	0	2.79	0	4.74
Chi phí lãi vay	0.27	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	52.1	-139	141	119	101
Chi phí bán hàng	1.88	9.68	13.9	6.48	6.86
Chi phí QLDN	3.13	2.06	2.51	2.23	2.80
LN thuần từ HĐKD	62.3	53.6	164	152	104
Lợi nhuận khác	3.62	0.99	3.79	-0.49	6.96
LN trước thuế	65.9	54.6	168	151	110
Lợi nhuận sau thuế	64.5	50.8	166	150	108
LNST của CĐ cty mẹ	63.7	49.2	165	150	108

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.8	199	-122	65.6	33.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.2	-182	178	-92.8	-52.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-43.9	0	0	0	-0.01
Tiền đầu kỳ	61.7	22.5	39.2	94.9	67.7
Lưu chuyển tiền thuần	-39.3	16.8	55.7	-27.2	-18.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	-0.01	0	0.02
Tiền cuối kỳ	22.5	39.2	94.9	67.7	49.2

(Nguồn: fireant.vn)